

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch tài chính năm 2013

Dự án: Khôi phục rừng và quản lý bền vững rừng (Dự án KFW6)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 3030/QĐ-DALN-KHKT ngày 12/12/2012 của BQL các Dự án Lâm nghiệp Trung ương về việc phê duyệt kế hoạch năm 2013 Dự án “Khôi phục rừng và quản lý rừng bền vững ở các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên- Dự án KFW6”;

Căn cứ Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư phát triển ngân sách Trung ương hỗ trợ mục tiêu và vốn trái phiếu Chính phủ năm 2013;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 32/TTr-SKHĐT ngày 01/4/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Kế hoạch tài chính năm 2013 Dự án Khôi phục rừng và quản lý bền vững rừng (Dự án KFW6) như sau:

1. Chỉ tiêu khối lượng thực hiện năm 2013:

- Khoanh nuôi tái sinh rừng: 6.162,57 ha;
- Chăm sóc rừng trồng: 2.766,36 ha;
- Mô hình quản lý rừng cộng đồng thôn: 2.572,73 ha;
- Khai thác rừng cộng đồng: 40,00 ha;
- Hỗ trợ đường lâm sinh: 32 km;
- Điều tra tài nguyên rừng cộng đồng lần 2 thôn Định Bình Nam: 1.708 ha
- Mô hình Hợp tác xã: 01 mô hình tại thôn Phú Mỹ, xã Tây Phú, Tây Sơn.

2. Tổng kinh phí thực hiện: 5.260.000.000 đồng, trong đó:

- Vốn tài trợ của Đức: 3.472.350.000 đồng
- Vốn đối ứng của tỉnh: 645.650.000 đồng;
- Vốn đối ứng ngân sách huyện: 1.142.000.000 đồng.

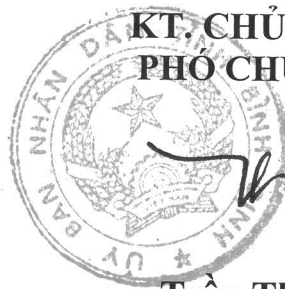
Chi tiết như phụ lục kèm theo.

Điều 2: Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT chỉ đạo Ban Quản lý Dự án Khôi phục rừng và quản lý bền vững rừng tỉnh Bình Định tổ chức triển khai thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước và quy định của Dự án.

Điều 3: Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện có tham gia dự án, Giám đốc Ban quản lý Dự án Khôi phục rừng và quản lý bền vững rừng tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, K10 (12b).



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Thị Thu Hà

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH NĂM 2013 CỦA BQLDA KFW6

(Kèm theo Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 10/4/2013 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính : đồng



Stt	Tên hoạt động	Đơn vị tính	Kế hoạch		
			K.Lượng	Kinh phí	
				Đức	Việt Nam *
I	Thiết lập và quản lý rừng			1.312.000.000	
1.	Chuẩn bị cây con			200.000.000	-
*	Cây con cho trồng dặm các năm	ha	930,00	200.000.000	
2	Mua và cung cấp phân bón cho các hộ dân			400.000.000	
*	Bón thúc cho diện tích rừng trồng năm 2012	ha	300,00	400.000.000	
3	Mô hình quản lý rừng cộng đồng			712.000.000	
*	Tập huấn	lớp	2	30.000.000	-
*	Điều tra tài nguyên rừng cộng đồng lần 2 thôn Định Bình Nam	MH	1	427.000.000	
*	Mua sắm trang thiết bị phục vụ cho khai thác thí điểm 2 mô hình thôn Tiên Thuận và thôn Hòa Thuận	MH	2	150.000.000	
*	Mua sắm bàn, ghế, tủ đựng tài liệu	MH	4	78.000.000	
*	Hỗ trợ xây nhà vệ sinh cho mô hình RCD thôn Phú Mỹ, xã Tây Phú	MH	1	27.000.000	
II	Hỗ trợ đường lâm nghiệp và mô hình hợp tác xã			1.895.000.000	
*	Hỗ trợ đường lâm nghiệp	KM	32	1.760.000.000	
*	Hỗ trợ nhà xưởng	MH	1	135.000.000	
III	QHSD đất/KH phát triển rừng thôn bản			-	101.400.000
1.	Đo đạc diện tích	ha	116,71		44.000.000
*	Đo đạc diện tích năm 2012	ha	116,71		44.000.000
2.	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	sổ	1.145		57.400.000
*	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2006 đến năm 2012	sổ	1.145		57.400.000
IV	Hội thảo, tập huấn và hội nghị chuyên đề			100.000.000	-
1.	Hội thảo, hội nghị/họp	cuộc	2	100.000.000	
V	Văn phòng dự án			-	1.686.250.000
1.	Phụ cấp bảo vệ và chi phí hoạt động BQL dự án tỉnh, các huyện năm 2012	VP	4,00		104.000.000
2.	Lương, phụ cấp lương và chi phí hoạt động BQL dự án tỉnh năm 2013	VP	1,00		440.250.000
3.	Lương, phụ cấp lương và chi phí hoạt động BQL dự án huyện Hoài Ân năm 2013	VP	1,00		418.000.000
4.	Lương, phụ cấp lương và chi phí hoạt động BQL dự án huyện Hoài Nhơn năm 2013	VP	1,00		366.000.000
5.	Lương, phụ cấp lương và chi phí hoạt động BQL dự án huyện Tây Sơn năm 2013	VP	1,00		358.000.000
Tổng cộng (I+II+III+IV+V)				3.307.000.000	1.787.650.000
Dự phòng (5%)				165.350.000	